

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-4-2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thế Thị Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm.

2. Ông Lương Thanh Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 113/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị N, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ : Khu phố A, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Ông Đinh Chí T, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: Ấp 8, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang; tạm trú: Khu phố A, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 14/02/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phan Thị N trình bày:

Qua thời gian tìm hiểu, bà N và ông T có tổ chức đám cưới và sống chung với nhau năm 2013; có đăng ký kết hôn vào ngày 24/6/2013 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Bến Cát (nay là phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát), tỉnh Bình Dương. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc.

Sau một thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, ông T không quan tâm chăm sóc cho vợ con, thường xuyên đi vắng nhà và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài xã hội. Bà N đã nhiều lần bỏ qua để giữ hạnh phúc gia đình nhưng ông T vẫn không thay đổi. Từ đó, bà N và ông T không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân. Vợ chồng sống ly thân nhau gần 01 năm nay. Nay bà N không còn tình cảm với ông T, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà N và ông T có 01 con chung là Đinh Ngọc Phương A, sinh ngày 31/8/2013. Từ khi vợ chồng không còn sống chung, cháu A do bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát :

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ pháp luật các bên tranh chấp là tranh chấp về ly hôn, nuôi con; bị đơn cư trú tại khu phố A, phường H, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị N và ông Đinh Chí T có đăng ký kết hôn vào ngày 24/6/2013 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B (nay là phường H, thị xã B), tỉnh Bình Dương, hôn nhân tự nguyện, do đó hôn nhân giữa bà N và ông T là hợp pháp.

Bà N yêu cầu ly hôn vì trong thời gian vợ chồng chung sống T không quan tâm chăm sóc cho vợ con, thường xuyên đi vắng nhà và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài xã hội. Bà N nhiều lần bỏ qua để giữ hạnh phúc gia đình nhưng ông T vẫn không thay đổi. Từ đó, bà N và ông T không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân. Vợ chồng sống ly thân nhau gần 01 năm nay. Hiện tại, bà N không còn tình cảm với ông T, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn được do đó bà N yêu cầu ly hôn với ông T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông T đến tham gia hòa giải đoàn tụ, tham gia tố tụng cũng như tham gia phiên tòa nhưng ông T không tham gia và cũng không có văn bản trình bày ý kiến. Điều này cho thấy ông T không quan tâm đến hạnh phúc gia đình, không muốn hàn gắn với ông bà N.

Như vậy, mâu thuẫn giữa bà N và ông T đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì hôn nhân, do đó yêu cầu ly hôn của bà N là có căn cứ và được chấp nhận.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà N và ông T có 01 con chung là Đinh Ngọc Phương A, sinh ngày 31/8/2013. Cháu A hiện do bà N nuôi dưỡng đã ổn định và cháu A đã trên 7 tuổi có nguyện vọng sống chung với bà N. Bà N có thu nhập ổn định. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của bà N giao cháu Đinh Ngọc Phương A cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà N không có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết và ông T cũng không có ý kiến gì vấn đề này nên không xem xét giải quyết.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà N phải chịu theo quy định pháp luật.

[4] Các đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị N đối với bị đơn ông Đinh Chí T về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con”; bà Phan Thị N được ly hôn với ông Đinh Chí T.

2. Về con chung: Giao cháu Đinh Ngọc Phương A, sinh ngày 31/8/2013 cho bà Phan Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông Đinh Chí T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà N và ông T đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, ông T được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không xem xét giải quyết.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Phan Thị Nhàn phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số: AA/2021/0004758 ngày 14/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND phường, Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương;
- Lưu: HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Thế Thị Ngọc Anh